

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **327** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **05** tháng **11** năm **2015**

BÁO CÁO

**Tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia Ứng phó
với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015**

Theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3475/BTNMT-KTTVBĐKH ngày 21/8/2015 về việc hướng dẫn tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình MTQG ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010 – 2015, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo một số nội dung cụ thể như sau:

I. Tổ chức thực hiện Chương trình

- Thông tin về Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi:

+ Thành lập theo Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Số lượng thành viên Ban chỉ đạo: 18 thành viên.

+ Họ, tên và chức vụ chính quyền của Trưởng Ban chỉ đạo: Phạm Trường Thọ - Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

II. Kết quả thực hiện Chương trình

1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, dự án

Nội dung (Phụ lục III đính kèm)

2. Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Cơ quan thực hiện Chương trình

- Về việc ban hành các văn bản liên quan đến biến đổi khí hậu:

+ Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã ban hành Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 19/9/2013 về thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) tại Hội nghị lần thứ 7 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

+ Báo cáo số 252/BC-UBND ngày 09/10/2012 của UBND tỉnh về việc đánh giá tình hình về ứng phó với Biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 09/01/2015 của UBND tỉnh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi – Giai đoạn 2011 – 2020.

+ Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/10/2013 của UBND tỉnh về việc bổ sung danh mục dự án chuẩn bị đầu tư năm 2013 (dự án đê kè xã Tịnh Kỳ huyện Sơn Tịnh và dự án trồng rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn).

+ Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 04/3/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

+ Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án Trồng mới và Phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông Bắc thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án trồng rừng ngập mặn ven biển các xã: Bình Phước, Bình Đông và Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng:

* *Các giải pháp ứng phó trong giai đoạn ngắn hạn (2011 – 2020):*

+ Tăng cường đầu tư để tỉnh thực hiện các chương trình, dự án theo kế hoạch hành động của địa phương. Trong đó cần ưu tiên đầu tư các công trình đê, kè chống sạt lở bờ sông, suối, biển; các tuyến đê sông, đê biển; nâng cấp, sửa chữa các hồ chứa nước bị xuống cấp, hư hỏng và tiếp tục đầu tư hoàn thiện các khu neo trú tàu cá, công trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn.

+ Tăng cường lồng ghép nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Chương trình nông thôn mới, đồng thời đảm bảo nguồn lực để thực hiện Chương trình này đúng kế hoạch tiến độ.

+ Triển khai tập huấn cho các cấp (đặc biệt là huyện, xã) các kiến thức chung về biến đổi khí hậu cũng như tuyên truyền các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu đã thực hiện hiệu quả phù hợp với đặc điểm và tình hình thực tế tại địa phương.

+ Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong việc xử lý nước thải nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường như: Xử lý lắng lọc cơ học, xử lý bằng hóa chất và vi sinh.

+ Tạo điều kiện và kêu gọi các nhà đầu tư hỗ trợ tỉnh về các chương trình, dự án liên quan đến ứng phó với BĐKH và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

+ Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển hạ tầng về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu.

* *Các giải pháp ứng phó trong giai đoạn dài hạn (sau năm 2020):*

+ Thực hiện quản lý tổng hợp dải ven biển, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội phù hợp với mực nước biển dâng theo các kịch bản lựa chọn, bảo đảm phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

+ Nâng cấp hệ thống đê biển và đê vùng cửa sông hiện có và từng bước xây dựng tuyến đê biển mới.

+ Duy trì và bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên như rừng ngập mặn, cải thiện chất lượng nước và kiểm soát lũ, duy trì điều kiện sống của nhiều loài cá và động vật hoang dã.

+ Nâng cấp và phát triển hạ tầng kỹ thuật dải ven biển, nghiêm cấm xây dựng các công trình kiên cố ngăn cản đường thoát lũ, nghiêm cấm xây dựng các công trình kiên cố ngăn cản đường thoát lũ và gây trở ngại cho việc dịch chuyển vào sâu đất liền của rừng ngập mặn.

+ Kiểm chế tốc độ tăng dân số và quy hoạch khu dân cư vùng ven biển.

- *Về các mô hình thí điểm ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng:*

+ Mô hình trồng lúa chống, chịu mặn, hạn.

+ Mô hình chuyển đổi giống cây trồng sang cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao hơn như: Lạc, đậu, ngô,... hoặc trồng cỏ phục vụ chăn nuôi gia súc.

+ Mô hình các chuồng trâu, bò, heo có hệ thống thu gom chất thải giảm thiểu phát thải khí nhà kính, tận dụng làm khí đốt.

+ Tăng cường trồng, phát triển và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng ngập mặn.

+ Nghiên cứu mô hình và quy hoạch rừng kinh tế phù hợp đảm bảo phát huy tác dụng của thảm phủ rừng để giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

+ Mô hình tưới tiết kiệm nước cho các loại cây trồng (áp dụng kỹ thuật và công nghệ tưới tiên tiến).

+ Mô hình xử lý chất thải tại các khu nuôi tôm tập trung,...

+ Mô hình sử dụng năng lượng sạch trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; kiểm soát chặt chẽ và giảm dần hàm lượng chất hóa học độc hại trong sản xuất nông nghiệp.

- Về nhận thức:

+ 100% cán bộ, công chức và người lao động được nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu.

+ 70% người dân được tiếp cận với thông tin, kiến thức về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu.

III. Nguồn lực thực hiện Chương trình

- Tổng kinh phí được giao giai đoạn 2010 – 2015: 73.400 triệu đồng.

Trong đó:

+ Vốn sự nghiệp: 1.000 triệu đồng;

+ Vốn đầu tư: 72.400 triệu đồng.

- Nêu rõ nguồn vốn:

+ Nguồn vốn trung ương: 73.000 triệu đồng;

+ Nguồn vốn địa phương: 400 triệu đồng;

+ Nguồn vốn nước ngoài: 0 triệu đồng;

+ Nguồn vốn khác: 0 triệu đồng.

- Nội dung cụ thể về kinh phí được giao và kinh phí thực hiện của từng nhiệm vụ, dự án theo (Phụ lục I và II đính kèm)

IV. Hiệu quả của Chương trình

- Những tác động của Chương trình đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương:

+ Các công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư, xây dựng đã góp phần rất lớn đến quá trình phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, giảm thiểu những rủi ro do thiên tai gây ra đối với cộng đồng nhân dân nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu như hiện nay.

+ Chương trình được các cấp chính quyền và nhân dân quan tâm nhiều hơn đến vấn đề biến đổi khí hậu cũng như giải pháp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu; là cơ sở để các cấp, ngành triển khai thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, chương trình, chiến lược phù hợp nhằm giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu.

+ Góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống thiên tai, nhất là việc nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

+ Là cơ sở để Chính phủ, tổ chức phi chính phủ, các nhà hảo tâm tham gia vào công tác thích ứng, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và trên lãnh thổ Việt Nam nói chung.

V. Những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện Chương trình và nguyên nhân

1. Những tồn tại, hạn chế

- Việc triển khai các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu mới chỉ được triển khai bước đầu, còn nhiều lúng túng và bị động.

- Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và người dân vẫn chưa nhận thức rõ được tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội của ngành mình và địa phương mình.

- Đội ngũ cán bộ còn thiếu, trình độ, năng lực chuyên môn còn hạn chế, trang thiết bị phục vụ cho công tác bảo vệ tài nguyên môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu còn quá thiếu.

- Các kiến thức, kỹ năng về thích ứng với biến đổi khí hậu tại các cấp còn hạn chế. Các địa phương (cấp huyện, xã) không có cán bộ chuyên trách phụ trách công tác ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Năng lực dự báo về thiên tai còn hạn chế (mật độ các trạm quan trắc quá thưa, trang thiết bị cũ, lạc hậu).

- Là tỉnh nghèo, ngân sách còn phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ từ Trung ương nên khả năng cân đối tài chính của tỉnh trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án về biến đổi khí hậu còn rất hạn chế.

- Vốn đầu tư của Nhà nước hàng năm chưa tương xứng với tiềm năng và Quy hoạch của vùng dự án, nên hiệu quả của Dự án chưa cao.

- Nguồn vốn cho dự án thiếu, bố trí chậm nên chưa đáp ứng được mục tiêu đề ra như chưa khai thác tối đa đất rừng hiện có, còn nhiều diện tích chưa được đầu tư do đó hiệu quả của dự án chưa được như mong muốn.

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan:

- Việc phân công nhiệm vụ về lĩnh vực biến đổi khí hậu chưa đồng bộ, chưa kịp thời, còn có sự chồng chéo, thường xuyên có thay đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, hệ thống bộ máy quản lý nhà nước phân định chưa rõ; các tài liệu điều tra cơ bản về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh còn thiếu; trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Biến đổi khí hậu là vấn đề mới, nhiều nội dung và biện pháp ứng phó chưa được kiểm nghiệm qua thực tiễn dẫn đến gây khó khăn cho công tác dự báo và phòng tránh.

- Một bộ phận nhân dân và các cấp, các ngành chưa nhận thức và coi trọng đúng mức về công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

- Công tác nghiên cứu cơ bản về biến đổi khí hậu chưa được quan tâm đúng mức.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Chưa phối hợp chặt chẽ và sử dụng triệt để hệ thống tổ chức chính trị và cơ sở vật chất của các tổ chức này trong công tác bảo vệ tài nguyên môi trường cũng như phòng tránh thiên tai, biến đổi khí hậu, đặc biệt là cấp cơ sở.

- Sự cộng tác của nhân dân với chính quyền địa phương và ý thức chủ động, tự giác trong công tác Bảo vệ tài nguyên môi trường cũng như phòng tránh thiên tai, biến đổi khí hậu chưa cao.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trong công tác bảo vệ tài nguyên môi trường, chủ động phòng chống, phòng tránh thiên tai biến đổi khí hậu chưa thật sự sâu sát và hiệu quả ở một số địa phương, nhất là ở cấp cơ sở.

VI. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất

- Tăng cường hỗ trợ kinh phí đầu tư để tỉnh thực hiện các chương trình, dự án theo kế hoạch hành động của địa phương. Trong đó cần ưu tiên đầu tư các công trình đê, kè chống sạt lở bờ sông, suối, bờ biển; các tuyến đê sông, đê biển; nâng cấp, sửa chữa các hồ chứa nước bị xuống cấp, hư hỏng và tiếp tục đầu tư hoàn thiện các khu neo trú tàu cá, công trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn.

- Tăng cường lồng ghép nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Chương trình nông thôn mới, đồng thời đảm bảo nguồn lực để thực hiện Chương trình đúng kế hoạch và tiến độ.

- Triển khai tập huấn cho các cấp (đặc biệt là cấp huyện, xã và cộng đồng) các kiến thức chung về tác động biến đổi khí hậu gây ra cũng như tuyên truyền các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu đã thực hiện hiệu quả phù hợp với đặc điểm và tình hình thực tế tại địa phương trong các lĩnh vực.

- Đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý nước thải tại vùng nuôi tôm nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

- Tạo điều kiện và kêu gọi các nhà đầu tư hỗ trợ tỉnh về các chương trình, dự án liên quan đến ứng phó với BĐKH và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

2. Kiến nghị

- Xem xét có những chính sách hỗ trợ để có thể thực hiện, áp dụng và phát triển các dự án thích ứng với biến đổi khí hậu tại Quảng Ngãi

- Thường xuyên mở các lớp tập huấn cho các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai tại các địa phương

- Có kế hoạch đưa nội dung về bảo vệ môi trường, phòng ngừa thảm họa thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu vào chương trình giảng dạy cho các cấp học phổ thông.

- Cần có những điều chỉnh, bổ sung, cập nhật Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

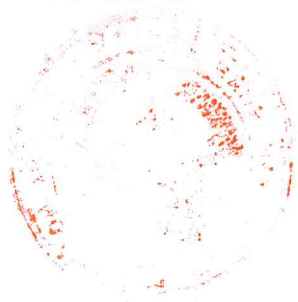
UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Chương trình MTQG ứng phó với Biến đổi khí hậu;
- CT, PCT(NL) UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh40).



Phạm Trường Thọ



Phụ lục I:
TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CTMTQG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2010 – 2015
(NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ)

Kiểm theo Báo cáo số: 327 /BC-UBND ngày 05/11/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi



Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục Nhiệm vụ	Kinh phí được phê duyet	Tổng kinh phí được giao giai đoạn 2010 - 2015	Tổng kinh phí thực hiện						
				Tổng cộng	Trong đó					
					Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)
	Tổng cộng:	1.000	1.000	1.000	0	0	0	1.000	0	0
1	Hỗ trợ kinh phí ứng phó với biến đổi khí hậu	1.000	1.000	1.000				1.000		

Phụ lục II:
TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CT MTQG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2010 – 2015
(NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN)
(Kèm theo Báo cáo số: 327 /BC-UBND ngày 05/11/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kinh phí được phê duyệt	Tổng kinh phí được giao giai đoạn 2010 - 2015	Tổng cộng						
				Tổng cộng	Trong đó					
					Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)
1	Dự án “Trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi”	16.200	16.200	16.193	0	0	0	193	6.000	10.000
2	Dự án “Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông Bắc huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi”	184.903	48.200	48.200					200	48.000
3	Dự án “Trồng rừng ngập mặn ven biển các xã Bình Phước, Bình Đông và Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi”	21.076	8.000	8.000						8.000
	Tổng cộng:	222.179	72.400	72.393	0	0	0	193	6.200	66.000



Phụ lục III:
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2010 – 2015
(Kèm theo Báo cáo số: 327- /BC-UBND ngày 05/11/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Mục tiêu	Nội dung dự án	Kết quả đạt được đến hết năm 2015	Các nội dung chưa thực hiện được
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)
1	Dự án “Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với Biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 – 2020	2011	Nâng cao khả năng ứng phó với BĐKH của tỉnh Quảng Ngãi trong từng giai đoạn cụ thể, phòng tránh và giảm thiểu những tác động tiêu cực của BĐKH, đảm bảo sự phát triển bền vững, bảo vệ cuộc sống của người dân.	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ và tác động của biến đổi khí hậu đến tỉnh Quảng Ngãi - Xác định các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu cho từng lĩnh vực cụ thể - Nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực - Tăng cường hợp tác quốc tế - Tích hợp, lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu vào các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành và địa phương. - Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án của Kế hoạch hành động. 	100%	0%
2	Dự án “Trồng mới và phục hồi	2014-2016	- Xây dựng và phát triển rừng ngập mặn ven biển trên địa bàn xã Bình Thuận,	<p>1. <i>Lâm sinh</i>: 67,0424 ha; trong đó: - Trồng mới: 47,5255 ha.</p>	+ Trồng mới rừng Được: 10,0719 ha	+ Trồng mới rừng

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Mục tiêu	Nội dung dự án	Kết quả đạt được đến hết năm 2015	Các nội dung chưa thực hiện được
	rừng ngập mặn ven biển xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi"		<p>huyện Bình Sơn chống xâm thực, tăng cường khả năng phòng hộ, điều hòa khí hậu và bảo vệ sinh thái; bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân khu vực dự án.</p> <p>- Làm chậm dòng chảy và phát tán rộng nước triều, cản song cát tích lũy phù sa cùng mùn bã thực vật tại chỗ, thích nghi với mực nước biển dâng.</p> <p>- Giải quyết việc làm tại địa phương, tạo thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân tham gia dự án.</p> <p>- Góp phần vào nhiệm vụ chung là chống biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay.</p>	<p>+ Trồng mới rừng Đước: 11,5719ha</p> <p>+ Trồng mới rừng Cóc trắng: 35,9536 ha</p> <p>- Khoanh nuôi trồng bổ sung: 12,8455 ha</p> <p>+ Khoanh nuôi trồng bổ sung cây Đước: 1,6207 ha</p> <p>+ Khoanh nuôi trồng bổ sung cây Cóc trắng: 11,2248 ha</p> <p>- Quản lý bảo vệ rừng (cây Cóc trắng): 6,6714 ha</p> <p>+ Quản lý bảo vệ rừng Đước: 2,4350 ha</p> <p>+ Quản lý bảo vệ rừng Cóc Trắng: 4,2364 ha</p> <p>2. Đường mòn, mặt nước phục vụ trồng rừng:</p> <p>Diện tích mặt nước, kênh rạch để phục vụ giao thông đi lại, vận chuyển cây giống rừng: 47,0495 ha</p> <p>- Diện tích đường mòn dân sinh: 0,1001 ha</p> <p>- Vùng đệm dưới cầu đường ống dẫn dầu Nhà máy lọc dầu Dung</p>	<p>+ Trồng mới rừng cóc trắng: 32,5536 ha</p> <p>- Khoanh nuôi trồng bổ sung: 12,8455 ha</p> <p>+ Khoanh nuôi trồng bổ sung cây Đước: 1,6207 ha</p> <p>+ Khoanh nuôi trồng bổ sung cây Cóc trắng: 10,7248 ha</p> <p>- Quản lý bảo vệ rừng (cây Cóc trắng): 6,6714 ha</p> <p>+ Quản lý bảo vệ rừng Đước: 2,4350 ha</p> <p>+ Quản lý bảo vệ rừng Cóc Trắng: 4,2364 ha</p> <p>2. Đường mòn, mặt nước phục vụ trồng rừng:</p> <p>Diện tích mặt nước, kênh rạch để phục vụ giao thông đi lại, vận chuyển cây giống rừng: 47,0495 ha</p> <p>- Diện tích đường mòn dân sinh: 0,1001 ha</p>	<p>Đước còn lại 1,5 ha</p> <p>+ Trồng mới rừng Cóc trắng: 3,4 ha</p> <p>+ Khoanh nuôi trồng bổ sung: 0,5 ha</p>

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Mục tiêu	Nội dung dự án	Kết quả đạt được đến hết năm 2015	Các nội dung chưa thực hiện được
				<p>Quất: 0,208 ha.</p> <p>3. <i>Đo vẽ bản đồ địa chính để giao rừng</i>: Tiến hành đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ: 1/2.000 để giao khoáng cho các hộ dân thuộc địa phương quản lý, bảo vệ; để đất và rừng ngập mặn có chủ, phát huy công tác chăm sóc bảo vệ rừng ngập mặn phát triển bền vững.</p> <p>4. <i>Công trình phục vụ trồng rừng, bảo vệ rừng</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mốc ranh giới rừng: 91 mốc - Bảng quy ước bảo vệ rừng: 03 cái. - Biên báo bảo vệ rừng: 14 cái 	<p>- Vùng đệm dưới cầu đường ống dẫn dầu Nhà máy lọc dầu Dung Quất: 0,208 ha.</p> <p>3. <i>Đo vẽ bản đồ địa chính để giao rừng</i>: Tiến hành đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ: 1/2.000 để giao khoáng cho các hộ dân thuộc địa phương quản lý, bảo vệ; để đất và rừng ngập mặn có chủ, phát huy công tác chăm sóc bảo vệ rừng ngập mặn phát triển bền vững.</p> <p>4. <i>Công trình phục vụ trồng rừng, bảo vệ rừng</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mốc ranh giới rừng: 91 mốc - Bảng quy ước bảo vệ rừng: 03 cái. - Biên báo bảo vệ rừng: 14 cái 	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Mục tiêu	Nội dung dự án	Kết quả đạt được đến hết năm 2015	Các nội dung chưa thực hiện được
3	Dự án "Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông Bắc huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi"	2015-2017	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo an toàn về tính mạng và tài sản trong mùa mưa bão cho 3.000 người (trong đó có 2.500 người thuộc khu vực chịu ảnh hưởng lũ, 500 người chịu ảnh hưởng của nước biển dâng). - Bảo vệ 64ha diện tích đất, trong đó có khoảng 15 ha đất sản xuất nông nghiệp, 35ha đất nuôi trồng thủy sản, 14 ha đất ở; góp phần nâng cao giá trị sản xuất cho khoảng 20 ha đất nhiễm mặn sử dụng kém hiệu quả. - Bảo tồn và phát huy đa dạng sinh học của khu vực, khôi phục lại một phần diện tích rừng ngập mặn ven biển đã bị phá do mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản không có quy hoạch - Góp phần tạo hệ thống giao thông phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài tuyến đê L = 3.574,8m - Tần suất triều thiết kế: 5% - Cao trình đỉnh đê: + 2,5m(hệ cao độ Quốc gia) - Đỉnh đê có kết hợp đường giao thông - Các công trình trên đê: các cống thoát nước - Trồng cây chắn sóng: Diện tích trồng 4ha 	Đang triển khai bởi thường giải phóng mặt bằng	
4	Dự án "Trồng rừng ngập mặn ven biển các xã Bình Phước, Bình Đông và Bình Dương,	2015-2019	<ul style="list-style-type: none"> Nhằm từng bước cải tạo đại rừng, chống sạt lở bờ sông, góp phần giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản của nhân dân, bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp, tăng cường khả năng hấp thụ CO₂, giảm thiểu tác hại của thiên tai, 	<p><i>1. Lâm sinh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng mới rừng ngập mặn: 65,64 ha - Loài cây trồng chính: Cây dừa nước - Mật độ trồng: 4.400 cây/ha 	Đang lập thủ tục phê duyệt thiết kế, thi công và Dự toán. Dự kiến trồng vào tháng 01 đến tháng 3 năm 2016 toàn bộ diện tích của Dự án	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Mục tiêu	Nội dung dự án	Kết quả đạt được đến hết năm 2015	Các nội dung chưa thực hiện được
	huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi”		<p>góp phần bảo tồn và phát huy đa dạng sinh học, tạo sinh kế bền vững cho người dân trong khu vực RNM, từ đó nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và cảnh quan vùng ven biển, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội các xã Bình Phước, Bình Trị, Bình Đông, huyện Bình Sơn</p>	<p>2. Công trình phục vụ trồng rừng: - Diện tích chưa lại để phục vụ đánh bắt thủy sản, cách ly đất sản xuất nông nghiệp; kết hợp làm đường giao thông vận chuyển cây con phục vụ trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng: Diện tích: 41,808ha; - Cọc mốc lô, mốc ranh giới khu rừng: 54 mốc (bình quân 1,2 ha/mốc). Bảng quy ước bảo vệ rừng: 03 cái - Biên báo bảo vệ rừng: 05 cái 3. Đo vẽ bản đồ địa chính: 107,448ha</p>		

